



Số: 2908/20/CV-HAGL Agrico
(VV: Giải trình biến động lợi
nhuận sau thuế tại BCTC soát
xét bán niên năm 2020)

Gia Lai, ngày 29 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ vào thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế HAGL.

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm công ty") (mã CK: HNG) giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên BCTC Tổng hợp và BCTC Hợp nhất bán niên năm 2020 đã được soát xét như sau:

ĐVT: Ngàn đồng

Chi tiêu	BCTC soát xét bán niên năm 2020	BCTC soát xét bán niên năm 2019	Tăng trưởng
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế trên BCTC tổng hợp	7.422.883	(75.749.525)	110%
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế trên BCTC hợp nhất	9.985.705	(751.565.424)	101%

1. Báo cáo tài chính tổng hợp

Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ trong 6 tháng năm 2020 đạt hơn 7 tỷ đồng, tăng trưởng 110% so với 6 tháng năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí lãi vay kỳ này giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2019.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong 6 tháng năm 2020 đạt 10 tỷ đồng, tăng trưởng 101% so với 6 tháng năm 2019. Khoản lợi nhuận này chủ yếu do trong kỳ Nhóm công ty đã hoàn nhập lại một số chi phí dự phòng đã trích trước từ năm 2016 đến năm 2019. Trong khi cùng kỳ năm 2019, Nhóm Công ty có ghi nhận các chi phí liên quan đến chuyển đổi vườn cây.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ
HOÀNG ANH GIA LAI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT



Võ Thị Mỹ Hạnh

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Địa chỉ: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Tel: (+84) 0269 2222 285 Fax: (+84) 0269 2222 218 Email: hoanganhagrigo@hagl.com.vn

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 56

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười tám (18) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Đỗ Xuân Diện	Phó Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Đức Quang	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Hữu Đức	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:

Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2020

Số tham chiếu: 61280353/22012458/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 56, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.292.500.619	5.400.395.101
110	I. Tiền	4	41.353.930	43.933.270
111	1. Tiền		41.353.930	43.933.270
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.107.718.845	5.258.057.445
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.100.075.942	927.025.562
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.916.847.377	1.961.222.599
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	27	1.297.190.702	543.718.680
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.809.053.098	1.841.538.878
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(15.448.274)	(15.448.274)
140	III. Hàng tồn kho	8	95.643.950	61.856.457
141	1. Hàng tồn kho		100.162.636	66.375.143
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.518.686)	(4.518.686)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		47.783.894	36.547.929
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		518.033	815.585
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	46.979.473	35.446.513
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	286.388	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.963.435.268	14.533.166.516
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.986.589.306	9.018.820.740
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	27	6.726.599.710	7.003.799.583
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	2.259.989.596	2.015.021.157
220	II. Tài sản cố định		55.006.912	51.751.813
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	49.151.495	51.751.813
222	Nguyên giá		62.149.765	61.670.300
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(12.998.270)	(9.918.487)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	5.855.417	-
228	Nguyên giá		5.980.000	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(124.583)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		20.989.085	18.547.792
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	20.989.085	18.547.792
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	5.895.329.989	5.438.496.853
251	1. Đầu tư vào các công ty con		6.192.646.248	5.701.201.820
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(585.915.505)	(551.304.213)
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.519.976	5.549.318
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		5.519.976	5.549.318
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.255.935.887	19.933.561.617

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.060.362.698	7.745.411.311
310	I. Nợ ngắn hạn		4.295.623.196	4.961.672.936
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	595.319.887	529.091.273
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	266.466.035	478.164.530
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	129.672	189.963
314	4. Phải trả người lao động		9.020.879	6.980.761
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	440.437.291	302.706.313
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	51.002.905	209.575.929
320	7. Vay ngắn hạn	18	2.933.246.527	3.434.964.167
330	II. Nợ dài hạn		6.764.739.502	2.783.738.375
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	15	233.560.423	237.837.713
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	561.202.030	754.133.163
338	3. Vay dài hạn	18	5.969.977.049	1.791.767.499
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.195.573.189	12.188.150.306
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	12.195.573.189	12.188.150.306
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế		(60.092.761)	(67.515.644)
421a	- (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		(67.515.644)	1.108.104.220
421b	- Lợi nhuận (lỗ) kỳ này		7.422.883	(1.175.619.864)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.255.935.887	19.933.561.617

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.169.043.163	1.061.791.415
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(1.074.798.327)	(1.003.519.972)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp		94.244.836	58.271.443
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	354.568.040	352.324.384
22	5. Chi phí tài chính	22	(362.108.065)	(428.754.861)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(309.680.374)	(396.702.380)
25	6. Chi phí bán hàng	23	(59.093.638)	(112.205.872)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(20.168.224)	(45.236.147)
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		7.442.949	(175.601.053)
31	9. Thu nhập khác	24	-	102.935.113
32	10. Chi phí khác	24	(20.066)	(3.065.589)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	24	(20.066)	99.869.524
50	12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		7.422.883	(75.731.529)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	(17.996)
60	14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		7.422.883	(75.749.525)

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Wõ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		7.422.883	(75.731.529)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	3.204.366	4.965.283
03	Các khoản dự phòng		34.611.292	59.205.569
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		9.902.886	804.431
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(354.372.055)	(350.050.545)
06	Chi phí lãi vay	22	309.680.374	396.702.380
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.449.746	35.895.589
09	Tăng các khoản phải thu		(2.392.535.698)	(66.771.110)
10	Tăng hàng tồn kho		(33.787.493)	(72.094.882)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(30.215.559)	1.033.757.711
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		326.894	(2.955.899)
14	Tiền lãi vay đã trả		(153.390.422)	(476.989.832)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.1	-	(17.996)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(2.599.152.532)	450.823.581
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(6.069.250)	(2.642.560)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	1.758.593
23	Tiền chi cho vay		(573.975.924)	(454.833.029)
24	Tiền thu hồi cho vay		527.288.356	106.779.275
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	12.1	(491.444.428)	(1.686.409.399)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty con		-	4.337.521.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	5.189.220
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay		46.039.849	13.592.807
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(498.161.397)	2.320.955.907

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay (trừ chi phí phát hành trái phiếu)	18	4.572.039.930	2.442.774.883
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(1.477.302.993)	(5.157.777.767)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		3.094.736.937	(2.715.002.884)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.576.992)	56.776.604
60	Tiền đầu kỳ		43.933.270	7.845.148
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.348)	119
70	Tiền cuối kỳ	4	41.353.930	64.621.871



Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập



Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười tám (18) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("Hoàng Anh - Quang Minh")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk ("Hoàng Anh Đắk Lắk")	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,78
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động (i)	100,00
(9) Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(10) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(11) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("Bò sữa Tây Nguyên")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(12) Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê ("Cao su Ban Mê") (*)	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,78

(*) Vào ngày 13 tháng 2 năm 2020, Hoàng Anh Đắk Lắk, công ty con, đã hoàn tất mua 6.190.069 cổ phiếu, tương đương với 100% tỷ lệ sở hữu trong Cao su Ban Mê từ các cổ đông hiệu hữu. Theo đó, Cao su Ban Mê đã trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh vào ngày 30 tháng 6 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)</i>
(13) Công ty Cổ phần An Đông Mia ("An Đông Mia")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,90
(14) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat ("Hoàng Anh Lumphat")	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	99,90

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc

(15) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động
---	-------------------	----------------

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 590 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 562).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ").

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ lũy kế tương ứng là 60.092.761 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty đã vi phạm điều khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.4 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh điều khoản đã bị vi phạm của hợp đồng vay có liên quan. Hơn nữa, vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty cũng đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO"), qua đó, THACO cam kết sẽ hỗ trợ Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Công ty. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 6 năm 2019, Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu Nông sản với Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi ("Thadi"), qua đó, Thadi hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Công ty. Trên cơ sở này, Ban Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản mang lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên thân mật trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền mặt	105.555	150.171
Tiền gửi ngân hàng (*)	41.248.375	43.783.099
TỔNG CỘNG	41.353.930	43.933.270

(*) Công ty dùng 33.367.104 ngàn VND để thế chấp cho khoản vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, công ty con.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 27)	931.973.203	679.101.562
Phải thu từ các bên thứ ba	168.102.739	247.924.000
- Shanghai Ys Trading Co., Ltd.	17.724.355	-
- China National Chemical Fiber Corporation	11.163.110	-
- Khách hàng khác	139.215.274	247.924.000
TỔNG CỘNG (*)	1.100.075.942	927.025.562
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(15.448.274)	(15.448.274)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.084.627.668	911.577.288

(*) Một phần giá trị khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được dùng để thế chấp khoản vay ngắn hạn ngân hàng của công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 27)	3.691.835.149	1.935.692.571
Trả trước cho các bên thứ ba	225.012.228	25.530.028
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	12.919.700	4.067.500
- Khác	212.092.528	21.462.528
TỔNG CỘNG	3.916.847.377	1.961.222.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	1.809.053.098	1.841.538.878
Phải thu các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	1.429.154.169	1.445.930.010
Thanh toán hộ	210.862.126	170.595.337
Phải thu lãi cho vay	145.829.011	94.706.716
Khác	23.207.792	130.306.815
Dài hạn	2.259.989.596	2.015.021.157
Phải thu lãi cho vay	2.101.798.871	1.856.864.651
Phải thu các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	158.190.725	158.156.506
TỔNG CỘNG	4.069.042.694	3.856.560.035
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 27)</i>	2.259.989.596	2.015.021.157
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 27)</i>	1.786.095.306	1.712.100.804
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	22.957.792	129.438.074

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Hàng hóa	71.006.416	59.229.053
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.076.290	4.102.195
Công cụ, dụng cụ	1.563.771	2.053.298
Nguyên vật liệu	1.516.159	990.597
TỔNG CỘNG	100.162.636	66.375.143
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.518.686)	(4.518.686)
GIÁ TRỊ THUẦN	95.643.950	61.856.457

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Số đầu kỳ	4.518.686	431.314
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	1.582.330
Số cuối kỳ	4.518.686	2.013.644

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	25.195.750	27.062.148	6.483.187	2.929.215	61.670.300
Mua mới	-	302.100	137.865	39.500	479.465
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>25.195.750</u>	<u>27.364.248</u>	<u>6.621.052</u>	<u>2.968.715</u>	<u>62.149.765</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	-	1.197.058	281.274	1.478.332
Khấu hao lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	2.472.377	2.756.135	4.254.915	435.060	9.918.487
Khấu hao trong kỳ	1.089.408	1.359.801	363.805	266.769	3.079.783
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>3.561.785</u>	<u>4.115.936</u>	<u>4.618.720</u>	<u>701.829</u>	<u>12.998.270</u>
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>22.723.373</u>	<u>24.306.013</u>	<u>2.228.272</u>	<u>2.494.155</u>	<u>51.751.813</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>21.633.965</u>	<u>23.248.312</u>	<u>2.002.332</u>	<u>2.266.886</u>	<u>49.151.495</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Chương trình phần mềm</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	-
Mua mới	5.980.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>5.980.000</u>
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	-
Hao mòn trong kỳ	124.583
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>124.583</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>5.855.417</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Chi phí xây dựng kho và nhà máy đông lạnh	20.989.085	14.167.792
Chi phí phần mềm	-	4.380.000
TỔNG CỘNG	<u>20.989.085</u>	<u>18.547.792</u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Đầu tư vào các công ty con (TM số 12.1)	6.192.646.248	5.701.201.820
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 12.2)	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 12.3)	2.594.610	2.594.610
TỔNG CỘNG	<u>6.481.245.494</u>	<u>5.989.801.066</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(585.915.505)	(551.304.213)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>5.895.329.989</u>	<u>5.438.496.853</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.987.719	-	100,00	943.987.719	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Trồng cây công nghiệp	99,90	882.881.000	-	99,90	882.881.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk (*)	Trồng cây công nghiệp và kinh doanh bất động sản	99,78	753.313.155	(85.056.908)	99,53	394.313.155	(80.077.772)
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi bò	99,00	615.584.549	(400.858.597)	99,00	615.584.549	(371.226.441)
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Trồng cây công, nông nghiệp	97,77	440.512.398	-	97,77	440.512.398	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav (**)	Trồng cây công nghiệp	100,00	355.337.867	-	100,00	222.893.439	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	(100.000.000)	100,00	100.000.000	(100.000.000)
TỔNG CỘNG			6.192.646.248	(585.915.505)		5.701.201.820	(551.304.213)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (*) Vào ngày 5 tháng 2 năm 2020, Công ty đã mua thêm toàn bộ 35.900.000 cổ phiếu được phát hành mới từ Hoàng Anh Đắk Lắk, với giá trị là 359.000.000 ngàn VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0901/20/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 9 tháng 1 năm 2020. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Hoàng Anh Đắk Lắk từ 99,53% lên 99,78% tại ngày này.
- (**) Vào ngày 19 tháng 6 năm 2020, Công ty đã tăng thêm giá trị đầu tư vào Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav bằng cách góp thêm vốn với số tiền là 132.444.428 ngàn VND.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	<u>286.004.636</u>	49,14	<u>286.004.636</u>

12.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	<u>2.594.610</u>	15,00	<u>2.594.610</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 27)	499.824.745	447.126.156
Phải trả cho các bên thứ ba	95.495.142	81.965.117
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Siam Brother Việt Nam	7.651.122	3.174.303
- Công ty TNHH Trường Thịnh	6.646.515	10.716.416
- Khác	<u>81.197.505</u>	<u>68.074.398</u>
TỔNG CỘNG	<u>595.319.887</u>	<u>529.091.273</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Nhận ứng trước của các bên liên quan (TM số 27)	261.751.229	446.006.630
Nhận ứng trước của các bên thứ ba	4.714.806	32.157.900
- Fresh Go Ltd.	1.423.391	-
- Dalian Ganghong International Trading Co., Ltd.	1.000.916	1.000.916
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Long	-	27.500.000
- Khác	2.290.499	3.656.984
TỔNG CỘNG	266.466.035	478.164.530

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	440.437.291	302.706.313
Chi phí lãi vay	210.735.305	98.001.828
Chi phí hoạt động	152.450.400	152.450.400
Khác	77.251.586	52.254.085
Dài hạn	233.560.423	237.837.713
Chi phí lãi vay	233.560.423	237.837.713
TỔNG CỘNG	673.997.714	540.544.026
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	423.312.249	503.572.507
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	240.977.726	32.338.512
<i>Chi phí phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	9.707.739	4.633.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	51.002.905	209.575.929
Mượn tiền từ bên liên quan	21.685.000	11.823.581
Phải trả các bên liên quan từ việc cản trở công nợ	21.249.594	190.938.404
Phải trả khác	8.068.311	6.813.944
Dài hạn	561.202.030	754.133.163
Phải trả các bên liên quan từ việc cản trở công nợ	561.202.030	754.133.163
TỔNG CỘNG	612.204.935	963.709.092
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	561.202.030	754.133.163
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	42.934.594	202.761.985
<i>Phải trả các bên khác</i>	8.068.311	6.813.944

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	35.446.513	19.009.184	(7.476.224)	46.979.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 26.1)	285.831	-	-	285.831
Thuế khác	-	2.695.184	(2.694.627)	557
TỔNG CỘNG	35.732.344	21.704.368	(10.170.851)	47.265.861
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	189.963	773.970	(834.261)	129.672
TỔNG CỘNG	189.963	773.970	(834.261)	129.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn		
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (TM số 18.5)	1.483.061.234	-
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 18.1)	804.699.837	599.732.981
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 18.2)	645.485.456	2.824.672.082
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 18.4)	-	10.559.104
	<u>2.933.246.527</u>	<u>3.434.964.167</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 18.5)	4.565.588.126	805.260.834
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 18.4)	988.532.639	986.506.665
Vay dài hạn cá nhân (TM số 18.6)	220.730.000	-
Vay dài hạn trái phiếu thường (TM số 18.3)	195.126.284	-
	<u>5.969.977.049</u>	<u>1.791.767.499</u>
TỔNG CỘNG	<u>8.903.223.576</u>	<u>5.226.731.666</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay và trái phiếu như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	3.434.964.167	1.791.767.499	5.226.731.666
Tiền thu từ đi vay	956.948.072	3.620.252.263	4.577.200.335
Tiền trả nợ gốc vay	(1.427.302.993)	(50.000.000)	(1.477.302.993)
Cần trừ công nợ	477.162.852	102.280.366	579.443.218
Vay dài hạn đến hạn trả	1.487.298.837	(1.487.298.837)	-
Tái cấu trúc nợ vay	(1.995.823.500)	1.995.823.500	-
Chi phí phát hành trái phiếu	-	(5.160.405)	(5.160.405)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	286.689	286.689
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(908)	2.025.974	2.025.066
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>2.933.246.527</u>	<u>5.969.977.049</u>	<u>8.903.223.576</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/năm</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TP Bank")					
Khoản vay ngày 21 tháng 4 năm 2017	599.747.837	Từ ngày 4 tháng 8 năm 2020 đến ngày 30 tháng 3 năm 2021	Lãi suất kỳ hạn 3 tháng tại TP Bank cộng biên độ 3,2%/năm (2020: 10,50)	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây (chanh dây, chuối và thanh long) và mủ cao su	Tài sản của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia) đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tô nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185 diện tích 925 ha; 453,7 ha đất trồng trái cây tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng và 32.829.686 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai					
Khoản vay ngày 25 tháng 6 năm 2020	204.952.000	Ngày 26 tháng 6 năm 2021	10,00	Bổ sung vốn lưu động	172.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG, 19.980.000 cổ phiếu An Đông Mía thuộc sở hữu của HNG, 20.000 cổ phiếu An Đông Mía thuộc sở hữu của Bà Lê Thị Ngọc Bích và Bà Võ Thị Lệ Thu. Quyền sử dụng và khai thác 7.926 ha đất tại tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Hoàng Anh Lumphat và toàn bộ quyền đòi nợ khoản phải thu phát sinh trong tương lai từ các hợp đồng bán hàng với giá trị không thấp hơn 1.000 tỷ VND (TM số 5).
TỔNG CỘNG	804.699.837				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)

Chi tiết vay ngắn hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi, công ty có cùng thành viên HĐQT					
Khoản vay ngày 1 tháng 6 năm 2020	563.000.000	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 5 năm 2021	10,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Bà Kiều Ngọc Hoa, cổ đông					
Khoản vay ngày 29 tháng 4 năm 2020	47.000.000	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2020 đến ngày 25 tháng 8 năm 2020	14,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ					
Khoản vay ngày 19 tháng 7 năm 2019	35.485.456	Ngày 19 tháng 7 năm 2020	10,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	645.485.456				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.3 Vay dài hạn trái phiếu thường

Chi tiết vay dài hạn trái phiếu thường vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Trái chủ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020 Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong ("TPS")	Cá nhân	200.000.000	Ngày 3 tháng 12 năm 2021	9,50	Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Công ty	Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và quyền khai thác vườn trái cây diện tích 498,28 ha tại Xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Xã Ia Pêch, Huyện Ia Grai, Làng A, Xã Gào, Tp. Pleiku, Gia Lai thuộc sở hữu của Bò sữa Tây Nguyên.
Chi phí phát hành trái phiếu		<u>(4.873.716)</u>				
TỔNG CỘNG		<u>195.126.284</u>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.4 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 Ngàn VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Ngàn VND	Mục đích vay
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	726.078.034	734.611.164	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Campuchia.
TỔNG CỘNG	988.532.639	997.065.769	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	988.532.639	986.506.665	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	10.559.104	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
BIDV, Chi nhánh Gia Lai					
Khoản vay ngày 1 tháng 4 năm 2010	726.078.034	31.168.836	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của BIDV bằng USD hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2020: 7,20 - 8,50)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu.
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)					
Khoản vay ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	-	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank hạn 13 tháng lãi trả sau + 2%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (2020: 9,90)	23,2 triệu cổ phiếu HAG sở hữu bởi Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phiếu của Công ty Hoàng Anh - Quang Minh thuộc sở hữu của Công ty.
TỔNG CỘNG	988.532.639				

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Công ty là 2.429 ha đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng tín dụng là 9.000 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.5 Vay dài hạn bên liên quan

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Mục đích vay
	Ngàn VND	Ngàn VND	
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	2.185.877.212	-	Bổ sung vốn lưu động
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	1.995.823.500	-	Bổ sung vốn lưu động
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	1.768.905.884	805.260.834	Bổ sung vốn lưu động
Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên	98.042.764	-	Bổ sung vốn lưu động
TỔNG CỘNG	6.048.649.360	805.260.834	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	4.565.588.126	805.260.834	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1.483.061.234	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.5 Vay dài hạn bên liên quan (TM số 27) (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi, công ty có cùng thành viên HĐQT				
Hợp đồng vay ngày 1 tháng 6 năm 2020	2.185.877.212	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2020 đến ngày 26 tháng 6 năm 2024	10,70	Tín chấp
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ				
Khoản vay ngày 1 tháng 2 năm 2020	1.995.823.500	Ngày 1 tháng 2 năm 2023	10,50	Tín chấp
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải, công ty có cùng thành viên HĐQT				
Khoản vay ngày 10 tháng 12 năm 2019	805.260.834	Ngày 10 tháng 6 năm 2021	10,50	Tín chấp
Khoản vay ngày 4 tháng 2 năm 2020	687.444.593	Ngày 4 tháng 2 năm 2023	9,50 - 10,50	Tín chấp
Khoản vay ngày 14 tháng 2 năm 2020	251.835.457	Ngày 14 tháng 2 năm 2023	10,50	Tín chấp
Khoản vay ngày 2 tháng 3 năm 2020	24.365.000	Ngày 2 tháng 3 năm 2023	10,50	Tín chấp
Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên, công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT				
Khoản vay ngày 1 tháng 3 năm 2020	98.042.764	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2020 đến ngày 28 tháng 11 năm 2021	9,20 - 9,80	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>6.048.649.360</u>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	4.565.588.126			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1.483.061.234			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.6 Vay dài hạn cá nhân

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ông Nguyễn Ngọc Mai					
Khoản vay ngày 21 tháng 1 năm 2020	<u>220.730.000</u>	Ngày 21 tháng 1 năm 2023	10,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũy kế)	Tổng cộng
<i>Ngàn VND</i>					
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019					
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	8.868.438.950	1.064.550.810	105.576.190	1.109.665.220	11.148.231.170
Chia thù lao cho HĐQT, BKS và Ban thư ký HĐQT	-	-	-	(618.000)	(618.000)
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(75.749.525)	(75.749.525)
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>8.868.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>105.576.190</u>	<u>1.033.297.695</u>	<u>11.071.863.645</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020					
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	11.085.538.950	1.170.127.000	-	(67.515.644)	12.188.150.306
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	7.422.883	7.422.883
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>-</u>	<u>(60.092.761)</u>	<u>12.195.573.189</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngân VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Doanh thu bán trái cây	529.338.646	579.538.561
Doanh thu bán hàng hóa	436.312.063	386.174.947
Doanh thu cung cấp dịch vụ	140.285.741	294.668
Doanh thu bán mũ cao su	63.106.713	93.546.593
Doanh thu bán ợt	-	1.363.527
Doanh thu khác	-	873.119
TỔNG CỘNG	1.169.043.163	1.061.791.415
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (TM số 27)</i>	674.732.476	407.186.791
<i>Doanh thu với các bên thứ ba</i>	494.310.687	654.604.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Lãi tiền cho vay	354.331.245	349.981.700
Lãi tiền gửi ngân hàng	40.810	68.845
Khác	195.985	2.273.839
TỔNG CỘNG	<u>354.568.040</u>	<u>352.324.384</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>354.331.245</i>	<i>348.099.924</i>
<i>Doanh thu với các bên thứ ba</i>	<i>236.795</i>	<i>4.224.460</i>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Giá vốn trái cây đã bán	490.793.812	554.197.951
Giá vốn hàng hóa	385.877.937	353.126.268
Giá vốn cung cấp dịch vụ	137.026.380	1.508.338
Giá vốn mũ cao su đã bán	61.100.198	92.797.630
Giá vốn ớt đã bán	-	1.037.920
Giá vốn khác	-	851.865
TỔNG CỘNG	<u>1.074.798.327</u>	<u>1.003.519.972</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	309.680.374	396.702.380
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	34.611.292	30.855.139
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.219.804	1.082.341
Khác	7.596.595	115.001
TỔNG CỘNG	<u>362.108.065</u>	<u>428.754.861</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí bán hàng	59.093.638	112.205.872
Chi phí vận chuyển	36.184.450	91.371.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.279.695	10.821.810
Chi phí nhân viên	5.133.604	6.004.285
Khác	495.889	4.008.480
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.168.224	45.236.147
Chi phí nhân viên	13.452.633	6.710.150
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	679.068	3.351.107
Dự phòng phải thu khó đòi	-	26.768.100
Khác	6.036.523	8.406.790
TỔNG CỘNG	79.261.862	157.442.019

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Thu nhập khác	-	102.935.113
Hoàn nhập trích trước chi phí thuế theo Nghị định 20	-	102.388.641
Khác	-	546.472
Chi phí khác	(20.066)	(3.065.589)
Các khoản phạt	(14.805)	(289.884)
Khác	(5.261)	(2.775.705)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(20.066)	99.869.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	1.074.798.327	1.003.528.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.177.339	102.193.107
Chi phí nhân công	18.586.237	11.694.323
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (TM số 9 và 10)	3.204.366	4.965.283
Khác	1.293.920	38.580.558
TỔNG CỘNG	<u>1.154.060.189</u>	<u>1.160.961.991</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành (phải thu) phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập (lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế):

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	7.422.883	(75.731.529)
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	36.689.735	3.199
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(4.087.314)
Chênh lệch giữa lãi suất thực tế và lãi suất danh nghĩa liên quan đến phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	52.354.220
Thay đổi chi phí phải trả	-	(102.388.641)
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) thuần trước khi chuyển lỗ	44.112.618	(129.850.065)
Lỗ chuyển sang từ các năm trước	(44.112.618)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	17.996
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(17.996)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(285.831)	(285.831)

26.2 Thuế TNDN hoãn lại

Lỗ chuyển sang từ các năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.198.009.339 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.242.121.957 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	Không được chuyển lỗ	Ngàn VND	
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	
2015	2020	10.097.285 (*)	(10.097.285)	-	-	-
2016	2021	191.649.115 (*)	(191.649.115)	-	-	-
2018	2023	11.091.234 (*)	(6.253.976)	-	4.837.258	-
2019	2024	1.193.172.081 (*)	-	-	1.193.172.081	-
TỔNG CỘNG		1.406.009.715	(208.000.376)	-	1.198.009.339	-

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 1.198.009.339 ngàn VND do không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	2.748.877.212	-
		Ứng trước mua hàng hóa	1.051.745.400	-
		Nhận tạm ứng mua hàng hóa	-	655.831.037
		Mua hàng hóa và dịch vụ	185.929.704	-
		Bán hàng hóa	140.643.853	25.168.963
		Chi phí lãi vay	24.082.509	-
		Nhận tiền ứng trước thanh lý công ty con	-	4.337.521.000
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	1.041.618.877	983.590.000
		Chi phí lãi vay	90.117.993	31.327.082
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cho mượn	693.722.421	-
		Vay	154.101.500	1.206.662.964
		Chi phí lãi vay	106.654.726	124.783.087
		Mua hàng hóa và dịch vụ	20.500.373	3.602.064
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.868.197	17.675.989
		Chi hộ	-	6.755.143
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay, mượn	444.719.281	520.000
		Lãi cho vay	29.756.102	40.895.118
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	415.254.509	9.263.955
		Lãi cho vay	21.573.911	13.504.282
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.020.134	8.797.472
		Mua hàng hóa	6.641.575	15.667.727
		Tạm ứng mua hàng hóa	-	520.319.603
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	271.257.613	184.519.812
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	91.619.964	62.153.097
		Lãi cho vay	18.361.378	10.412.904
		Chi hộ	5.609.814	20.284.886
		Cho vay	-	151.974.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	225.929.294	152.571.905
		Lãi cho vay	177.934.326	158.313.206
		Mua hàng hóa	148.316.061	164.613.053
		Chi hộ	35.958.961	50.351.276
		Cho vay	6.619.438	154.313.987
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Cho vay, mượn	268.089.829	148.502.342
		Lãi cho vay	2.646.305	2.511.176
Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	102.280.366	-
		Chi phí lãi vay	3.253.235	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	570.876	6.275.943
		Cho vay	-	8.874.886
		Mua hàng hoá	-	5.562.379
		Lãi cho vay	-	14.165.733
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Bán hàng hóa	98.878.489	5.756.313
		Mua hàng hóa	82.029.080	51.985.503
		Chi hộ	1.196.603	195.377
		Lãi cho vay	477.473	286.356
		Cho vay	-	9.294.800
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	81.940.275	-
		Lãi cho vay	44.071.750	45.337.832
		Mua hàng hóa	8.704.581	-
		Chi hộ	136.357	-
Bà Kiều Ngọc Hoa	Cổ đồng	Vay	47.000.000	-
		Chi phí lãi vay	914.411	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	45.561.043	45.064.157
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Mua hàng hóa	28.559.032	9.945.657
		Bán hàng hóa	7.967.350	4.706.061
		Lãi cho vay	961.054	6.271.038
		Cho vay	-	2.377.421
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	20.710.411	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	14.425.190	37.204.121
		Lãi cho vay	12.987.903	7.383.550
		Bán hàng hóa	8.928.907	10.628.107
		Chi hộ	1.023.368	272.630
		Cho vay	-	13.709.147
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.807.295	9.572.791
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua nhiên liệu, dịch vụ	7.568.121	9.464.933
		Mua hàng hóa	6.945.065	15.270.152
		Mua tài sản	-	788.911
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	2.651.272	4.154.007
Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê	Công ty con (từ ngày 13 tháng 2 năm 2020)	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.469.137	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.201.932	-
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi hộ	834.305	768.925
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	236.000	93.215.857
		Cho vay	-	25.551.800
		Lãi cho vay	-	2.148.652
		Mua hàng hóa	-	102.888.955
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Cho mượn	400.000	1.560.766
		Mua hàng hóa	131.464	-
		Bán hàng hóa	-	2.392.110
		Bán tài sản	-	2.874.444
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	285.808	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	236.000	14.450.942
		Mua hàng hóa	-	55.803.523
		Lãi cho vay	-	1.357.991
		Chi hộ	-	140.205
Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia)	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	236.000	2.263.012
		Mua hàng hóa	-	30.284.803
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cung cấp dịch vụ	188.000	-
		Cho mượn, vay	-	63.888.449
		Lãi cho vay	-	447.929
Công ty TNHH MTV Tổ Hợp Cơ khí Thaco Chu Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	32.078.917
		Cho mượn	-	23.375.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp Thaco	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa, và dịch vụ	-	21.002.527
		Bán hàng hóa	-	1.131.020
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	-	1.131.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</i>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	483.827.577	345.984.130
Công ty TNHH Hoàng MTV Anh Lumphat	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	161.640.016	64.315.732
Công ty TNHH Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	82.057.261	-
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	74.940.972	79.031.577
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	33.639.292	-
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	29.231.143	18.707.431
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	25.484.155	16.569.731
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	18.485.444	22.887.524
Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	9.555.825	8.965.806
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	7.384.672	14.735.425
Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê	Công ty con (từ ngày 13 tháng 2 năm 2020)	Bán hàng hóa	4.911.098	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	580.030	580.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Thế Thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	186.299	186.305
Công ty TNHH Đầu tư Và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	49.419	-
Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia)	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	-	4.948.622
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	-	102.189.249
			931.973.203	679.101.562

Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)

Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	1.051.745.400	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Mua hàng hóa	788.628.095	694.383.989
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	503.319.872	510.484.660
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Mua hàng hóa	476.674.511	86.888.838
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	364.701.852	480.182.096
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	175.953.367	54.285.631
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	131.797.800	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Trả trước cho người bán ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	88.502.360	51.704.303
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	69.737.758	-
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	17.849.224	20.719.486
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	15.516.766	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	5.434.295	5.434.295
Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	1.376.737	28.257.752
Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê	Công ty con (từ ngày 13 tháng 2 năm 2020)	Mua hàng hóa	573.248	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	23.864	-
Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia)	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	3.351.521
			3.691.835.149	1.935.692.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	601.877.416	351.399.356
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	234.617.379	13.709.147
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cho vay	201.590.298	151.974.002
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Cho vay	152.568.609	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	57.254.000	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	49.283.000	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cho vay	-	9.294.800
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	-	9.263.955
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	-	8.077.420
			1.297.190.702	543.718.680

(*) Cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay tín chấp các bên liên quan với thời hạn hoàn trả đến hết tháng 6 năm 2021 và với lãi suất trung bình từ 7,20% đến 11,60%/năm nhằm mục đích đầu tư phát triển vườn cây cọ dầu, cao su và vườn cây ăn trái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 7)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cần trừ công nợ	677.056.915	650.642.869
		Chi hộ	188.510.407	150.845.204
		Lãi cho vay	78.949.342	58.734.405
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cần trừ công nợ	603.251.372	603.251.372
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cần trừ công nợ	69.267.680	15.192.236
		Chi hộ	4.560.493	4.424.136
		Lãi cho vay	18.458.516	2.122.671
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cần trừ công nợ	41.422.661	25.244.379
		Chi hộ	10.734.379	9.537.776
		Lãi cho vay	-	414.192
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	34.751.057	20.447.336
		Cần trừ công nợ	10.797.207	9.884.628
		Chi hộ	4.491.599	3.468.231
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cần trừ công nợ	27.358.334	76.445.328
		Lãi cho vay	7.074.991	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	6.359.116	2.494.078
		Chi hộ	47.736	47.736
Công ty TNHH CRD	Công ty con	Chi hộ	2.244.995	2.182.352
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho mượn	250.000	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Cần trừ công nợ	235.989	-
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi hộ	140.205	140.205
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	132.312	132.313
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cần trừ công nợ	-	65.269.198
		Lãi cho vay	-	2.988.881
		Chi hộ	-	5.325
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cho mượn	-	680.800
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	-	7.505.153
			1.786.095.306	1.712.100.804

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu về cho vay dài hạn (*)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	3.382.586.202	3.626.284.434
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	1.164.606.602	735.649.043
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	799.419.593	848.702.593
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	748.654.354	805.908.354
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	415.254.509	389.563.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cho vay	151.974.002	201.590.298
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Cho vay	41.100.501	41.100.502
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	13.709.147	234.617.379
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cho vay	9.294.800	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	-	120.383.980
			6.726.599.710	7.003.799.583

(*) Cho vay dài hạn thể hiện các khoản cho vay tín chấp các Công ty liên quan với thời hạn hoàn trả từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026 và với lãi suất trung bình từ 7,20% đến 11,85%/năm nhằm mục đích đầu tư, phát triển vườn cây cọ dầu, cao su và vườn cây ăn trái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<i>Phải thu dài hạn khác (TM số 7)</i>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.053.425.552	896.056.290
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	442.789.897	413.033.795
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	382.288.132	340.592.126
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	197.046.022	169.310.117
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cán trừ công nợ	158.190.725	158.156.506
		Lãi cho vay	1.713.523	3.029.342
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	10.870.567	4.191.897
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Lãi cho vay	7.439.850	5.029.534
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Lãi cho vay	5.333.663	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Lãi cho vay	891.665	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	-	25.621.550
			2.259.989.596	2.015.021.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 13)				
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và vật tư	267.485.908	186.130.214
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua trái cây	85.792.776	91.845.863
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua trái cây	49.168.809	73.677.590
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa và dịch vụ	47.495.470	42.820.770
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	20.460.287	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Mua hàng hóa	15.470.993	9.043.648
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	10.202.681	12.439.480
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua tài sản	1.994.000	1.994.000
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	874.538	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua vật tư	705.285	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	173.998	29.388
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông Nghiệp Thaco	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và vật tư	-	6.080.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 13) (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	4.594.071
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chu Lai - Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua vật tư	-	18.284.792
Công ty TNHH MTV Sản xuất linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua vật tư	-	186.340
			499.824.745	447.126.156
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 14)				
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	171.313.137	407.868.003
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	79.166.159	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Tạm ứng mua vật tư	11.271.933	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Tạm ứng mua vật tư	-	38.138.627
			261.751.229	446.006.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 15)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	86.695.292	27.165.722
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi phí lãi vay	76.374.452	5.172.790
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Mua hàng hóa	52.658.303	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Chi phí lãi vay	24.082.509	-
Bà Kiều Ngọc Hoa	Cổ đông	Chi phí lãi vay	818.521	-
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	276.331	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua vật tư	72.318	-
			240.977.726	32.338.512
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 16)				
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cán trừ công nợ	21.249.594	20.359.843
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Mượn tiền	11.685.000	11.685.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tiền	10.000.000	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cán trừ công nợ	-	170.578.561
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tiền	-	138.581
			42.934.594	202.761.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí phải trả dài hạn (TM số 15)				
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi phí lãi vay	9.707.739	4.633.007
Phải trả dài hạn khác (TM số 16)				
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cán trừ công nợ	561.202.030	754.133.163
Vay ngắn hạn (TM số 18.2)				
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Vay ngắn hạn	1.181.825.195	-
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay ngắn hạn	805.260.834	897.464.626
Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay ngắn hạn	58.975.205	-
Bà Kiều Ngọc Hoa	Cổ đông	Vay ngắn hạn	47.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	35.485.456	1.877.207.456
			2.128.546.690	2.824.672.082

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Vay dài hạn (TM số 18.5)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	1.995.823.500	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay dài hạn	1.567.052.017	-
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay dài hạn	963.645.050	805.260.834
Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay dài hạn	39.067.559	-
			4.565.588.126	805.260.834

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Lương, thù lao và thưởng	942.000	1.778.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CAM KẾT QUAN TRỌNG

Cam kết bảo lãnh:

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đang cầm cố 4.999.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh, công ty con, để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi tại Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn.

Cam kết khác:

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường HAGL có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường HAGL; và
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tố tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường HAGL trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và vào ngày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan thuế địa phương để xác định khoản nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh (nếu có) liên quan đến chuyển nhượng Nhóm Công ty Mía đường nêu trên.

29. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2020